

Số: *178*/BC-STC

Ninh Thuận, ngày *12* tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO

Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán Ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018.

Thực hiện Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Thực hiện Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phân bổ ngân sách địa phương năm 2018;

Thực hiện Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phân bổ ngân sách địa phương năm 2018;

Thực hiện Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận, Sửa đổi, bổ sung về phân cấp nguồn thu các cấp ngân sách địa phương, giai đoạn 2017-2020;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 2219/UBND-TH ngày 12/6/2017 về việc công khai số liệu dự toán ngân sách tỉnh năm 2017;

Trên cơ sở tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018, Sở Tài chính thực hiện công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018 như sau:

1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2018:

1.1 Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn là: 1.256.745 triệu đồng, so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao đạt 54,64% (1.256.745 triệu đồng/2.300.000 triệu đồng), trong đó:

- Thu nội địa: 1.249.786 triệu đồng, đạt 55,3% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (1.249.786 triệu đồng /2.260.000 triệu đồng).

- Thu xuất nhập khẩu: 6.504 triệu đồng, đạt 12,26% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (6.504 triệu đồng /40.000 triệu đồng).

Kết quả thu theo lĩnh vực quản lý:

- Có 10/13 khoản thu đạt (có 1 chỉ tiêu thu không phát sinh trên địa bàn) và vượt tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao (từ 50% trở lên), gồm: Thu từ khu vực DNNN trung ương; thu từ khu vực CTN và dịch vụ NQD; thu thuế TNCN; thu thuế bảo vệ môi trường; thu lệ phí trước bạ; thu phí, lệ phí; các khoản thu về nhà, đất; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thu xổ số kiến thiết. Trong đó 03 khoản thu sớm đạt dự toán cả năm và vượt tiến độ khá cao so với dự toán HĐND tỉnh giao, như:

+ Thu thuế Sử dụng đất phi nông nghiệp (đạt 169,1%) do số thuế phải nộp không lớn, nhiều hộ gia đình, cá nhân thực hiện nộp trước cho các năm 2019, 2020, 2021 sau khi cơ quan thuế thông báo mức thuế phải nộp giai đoạn 2017-2021 theo quy định.

+ Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (ước đạt 126,86%) do thu nợ các năm trước và phát sinh một số trường hợp thuê đất trả tiền 01 lần cho cả thời gian thuê (11 > 8 tỷ).

+ Thu xổ số kiến thiết (đạt 77,47%) chủ yếu do lợi nhuận còn lại nộp ngân sách năm nay tăng khá cao so với năm 2017 (tăng 11,3 tỷ).

- Còn 03/13 khoản thu không đạt tiến độ dự toán, gồm: Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài (41,66%), thu khác ngân sách (đạt 28,51% so với HĐND tỉnh giao, do thu phạt an toàn giao thông giảm, chỉ bằng 59,5% so cùng kỳ và khoản thu hồi các khoản chi năm trước ít phát sinh); thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác (22,47%).

1.2 Đánh giá chung về kết quả thu ngân sách nhà nước:

6 tháng đầu năm, tình hình kinh tế của tỉnh tiếp tục có những dấu hiệu tích cực; các công trình trọng điểm, những nhiệm vụ đột phá trong năm 2018 được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo triển khai ngay sau dịp Tết Nguyên đán. Bên cạnh đó, ngành Thuế đã chủ động phối hợp với các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, đôn đốc thu nộp ngân sách, tuyên truyền, phổ biến kịp thời chính sách pháp luật thuế, giải quyết kịp thời các kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp, người dân tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu cho NSNN. Vì vậy, kết quả thu ngân sách (phần thu cân đối ngân sách) toàn tỉnh nói chung, hầu hết các khoản thu, lĩnh vực thu và các đơn vị quản lý thu nói riêng ước đạt và vượt tiến độ dự toán thu ngân sách năm 2018 HĐND tỉnh giao.

Bên cạnh những yếu tố thuận lợi, công tác thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2018 cũng gặp một số khó khăn tác động giảm thu ngân sách, đó là:

Chủ trương dừng đầu tư xây dựng dự án điện hạt nhân Ninh Thuận, cùng

với thời tiết nắng hạn xảy ra trên địa bàn tỉnh thời gian gần đây tiếp tục có những tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, XDCCB, khai thác tài nguyên khoáng sản. Một số nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn chưa đảm bảo tiến độ dự toán được giao hoặc giảm thu so với cùng kỳ như: nhà máy Bia Sài Gòn (ước thu 6 tháng 295 tỷ/630 tỷ dự toán, đạt 47,6%, hụt thu so với tiến độ 20 tỷ), Công ty Diageo VN (giảm thu 25 tỷ so với cùng kỳ).

Trên cơ sở kết quả ước thu 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm toàn tỉnh phân đầu thu ngân sách đảm bảo đạt được dự toán thu ngân sách HĐND giao năm 2018 là 2.300 tỷ đồng.

2. Tình hình thực hiện chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018:

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 được giao: 5.030,802 tỷ đồng Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc; dự toán thu chi, mức bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thành phố theo đúng quy định;

2.1 Chi cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2018: 1.541.456 triệu đồng, đạt 46,42% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (1.304.765 triệu đồng/3.320.819 triệu đồng), trong đó:

- Chi đầu tư thực hiện 235.691 triệu đồng, đạt 50,43% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (235.691 triệu đồng/467.380 triệu đồng);

- Chi thường xuyên thực hiện 1.304.765 triệu đồng, đạt 46,87% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (1.304.765 triệu đồng/2.783.786 triệu đồng).

Trong đó: một số nội dung chi đạt tỷ lệ cao so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao như chi sự nghiệp Khoa học – Công nghệ, chi sự nghiệp Thể dục – thể thao, chi sự nghiệp môi trường, chi đảm bảo xã hội, cụ thể:

+ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 101,28% dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao: do đầu năm thanh toán khoản dự toán năm 2017 chuyển sang là 650 triệu đồng và tạm ứng kinh phí cho các đề tài năm 2017 chuyển sang tiếp tục theo dõi và thực hiện thanh toán là 13.341 triệu đồng;

+ Chi sự nghiệp Thể dục – thể thao đạt 55,27% dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh giao: do chi tổ chức Đại hội thể dục – thể thao.

+ Chi sự nghiệp kinh tế đạt 55,86% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, do một số khoản chi như kinh phí quy hoạch, kinh phí thực hiện đề án xanh - sạch - đẹp đã được UBND tỉnh phân bổ ngay trong dự toán đầu năm cho các huyện, thành phố chi trả kịp thời;

+ Chi đảm bảo xã hội đạt 57,26% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao: do một số khoản chi chính sách tiền điện hộ nghèo, kinh phí thực hiện bảo hiểm y tế cho đối tượng kháng chiến đã được UBND tỉnh phân bổ ngay trong dự toán đầu năm cho các huyện, thành phố chi trả kịp thời.

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP: 652.708 triệu đồng, đạt 38.17% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao (652.708 triệu đồng/1.709.983 triệu đồng) do vốn bổ sung có mục tiêu vốn nước ngoài nước ngoài (23,570 tỷ đồng) dự kiến 6 tháng đầu năm chưa giải ngân. h

(Chi tiết theo các biểu số 59, 60, 61/CK-NSNN đính kèm)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Đăng trên trang thông tin điện tử Sở TC;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Trường

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.300.000	1.256.745	54,64%	256,90%
I	Thu cân đối NSNN	2.300.000	1.256.745	54,64%	256,90%
1	Thu nội địa	2.260.000	1.249.786	55,30%	255,86%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	40.000	6.504	16,26%	899,41%
4	Thu viện trợ		455		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	5.030.802	2.194.164	43,61%	116,09%
I	Chi cân đối NSDP	3.320.819	1.541.456	46,42%	92,03%
1	Chi đầu tư phát triển	467.380	235.691	50,43%	94,28%
2	Chi thường xuyên	2.783.786	1.304.765	46,87%	91,63%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100	0		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000		
5	Dự phòng ngân sách	67.553	0		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.709.983	652.708	38,17%	303,51%
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	57.000			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	93.000	68.500	73,66%	104,58%

SỞ TÀI CHÍNH



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.300.000	1.256.745	54,64%	116,91%
I	Thu nội địa	2.260.000	1.249.786	55,30%	116,80%
1	Thu từ khu vực DNNN	814.000	437.858	53,79%	112,85%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	160.000	66.662	41,66%	78,43%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	315.000	180.947	57,44%	103,40%
4	Thuế thu nhập cá nhân	110.000	56.906	51,73%	104,41%
5	Thuế bảo vệ môi trường	230.000	128.425	55,84%	100,33%
6	Lệ phí trước bạ	72.000	40.089	55,68%	160,36%
7	Các loại phí, lệ phí	48.000	27.398	57,08%	80,58%
8	Các khoản thu về nhà, đất	353.000	223.002	63,17%	220,79%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		68		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000	1.691	169,10%	169,10%
-	Thu tiền sử dụng đất	325.000	185.229	56,99%	231,54%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	27.000	34.252	126,86%	171,26%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		1.762		
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	12.000	13.066	108,88%	118,78%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước				
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	70.000	54.230	77,47%	144,61%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	7.740	1.739	22,47%	37,00%
13	Thu khác ngân sách	68.260	19.464	28,51%	74,01%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu	40.000	6.504	16,26%	130,08%
1	Tổng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu		13.156		
-	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu		12.774		
-	Thuế xuất khẩu				
-	Thuế nhập khẩu		377		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
-	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu				
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu		5		
-	Thu khác				
2	Hoàn thuế GTGT		6.652		
IV	Thu viện trợ		455		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.733.060	988.870	57,06%	92,42%
1	Từ các khoản thu phân chia	1.359.300	734.161	54,01%	114,20%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	373.760	254.709	68,15%	59,63%



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM 2018	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	5.030.802	2.194.164	43,61%	311,36%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	3.320.819	1.541.456	46,42%	198,06%
I	Chi đầu tư phát triển	467.380	235.691	50,43%	94,28%
1	Chi đầu tư cho các dự án	467.380	235.691	50.43%	96.20%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	2.783.786	1.304.765	46,87%	246,98%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.254.882	525.616	41.89%	89.24%
2	Chi khoa học và công nghệ	15.912	16.116	101.28%	133.19%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	251.590	85.974	34.17%	84.29%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	31.083	12.986	41.78%	90.81%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	13.831	7.148	51.68%	95.31%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	11.785	6.514	55.27%	114.28%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	61.850	30.750	49.72%	75.00%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	280.304	156.580	55.86%	103.01%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	670.868	321.304	47.89%	101.04%
10	Chi bảo đảm xã hội	135.055	77.330	57.26%	54.46%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.100			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM 2018	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
V	Dự phòng ngân sách	67.553			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.709.983	652.708	38,17%	303,51%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	112.520	29.081	25,85%	729,76%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.231.898	475.011	38,56%	225,25%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	365.565	148.616	40,65%	